

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày 14-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn H1 (Tên gọi khác: H2); sinh ngày: 17/12/2000 tại tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT: Khu phố M, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Lô 11B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Bá H, sinh năm: 1975 và bà Cao Thị L (c); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng từ ngày 16/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: K127 N, tổ 8 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: 22/72 T, tổ 48 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Dương Thị Huyền T2, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: 11 T, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Phạm Thị Ngọc T3, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: 34 P, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: 91 T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Phan Thị Thu H3, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: 75 T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Lê Lý Sô N2, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: 158 T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, tại quán cà phê số 32 P, thuộc phường T, quận H, TP Đà Nẵng, Đội Cảnh sát hình sự Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát hiện Trương Ngọc T5 (sinh năm 1992, trú tại khối phố Đ, phường H, thị xã Kim Môn, tỉnh Hải Dương) đang nhận 2.000.000 đồng khoản vay lãi nặng từ chị Nguyễn Thị Mỹ H4 (sinh năm: 1982; HKTT: 74 T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng) thì bị bắt quả tang.

Lúc 10h15' ngày 17/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, TP Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Ngọc T5 tại Lô 11B2.6, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện Bùi Văn H1 có dấu hiệu “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” nên mời về làm việc.

Vật chứng thu giữ từ Bùi Văn H1:

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, Imei: 353290070333604, gắn thẻ sim: 0333.450.794.

- 01 điện thoại Nokia, màu xanh, Model: TA-1010, Imei: 355816099138349, gắn thẻ sim: 0765.313.555.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã ghi nhận các tài liệu từ: Điện thoại Iphone 6S Plus và tài khoản Gmail: Buianhhuy6868@gmail.com của H1.

Quá trình điều tra, xác định: Vào năm 2018, H1 giúp việc cho một đối tượng tên H5 (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) đi thu tiền cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 02/2019, H5 không còn hoạt động cho vay, nên H1 bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó có địa bàn quận Hải Châu, H1 sử dụng tên gọi khác là “H2”. H1 lấy thông tin khách vay từ điện thoại của H để tự liên lạc tìm kiếm khách vay, in tờ rơi với nội

dung “Vay tiền không cần thế chấp, liên hệ H2 số điện thoại 0765.313.555” và phát tại các chợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Khi cho vay tiền, H1 đến nơi làm việc hoặc nơi ở để xác định nơi cư trú, kiểm tra giấy tờ tùy thân, giấy phép kinh doanh để xác minh thông tin người vay. Tùy từng trường hợp cụ thể mà H1 có thể giữ giấy tờ của người vay một vài ngày hoặc giữ bản photo của các loại giấy tờ hoặc yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền để hợp thức các khoản vay, làm căn cứ khi đòi nợ.

H1 cho vay tiền bằng hình thức thu lãi và gốc theo ngày trong thời hạn 30 ngày, với lãi suất từ 243,33%/năm đến 347,62%/năm. Ngoài ra, H1 còn thu thêm một khoản phí (gọi là phí dịch vụ làm hợp đồng cho vay).

Việc giao tiền vay hoặc thu tiền góp hằng ngày của H1 có thể thực hiện bằng cách giao nhận tiền trực tiếp với người vay, tại một địa điểm bất kỳ do H1 hoặc người vay chọn trước, hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng giữa H1 và người vay. Tài khoản ngân hàng H1 sử dụng giao dịch là 19034037553010 của ngân hàng Techcombank, mang tên Bùi Văn H1.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến ngày 15/12/2019, Bùi Văn H1 đã cho 07 người vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Kim N1 vay của H1 13 lần.

Vào đầu tháng 6/2019, giữa tháng 7/2019, cuối tháng 7/2019, giữa tháng 8/2019 và các ngày 16/9/2019, 15/10/2019, 04/11/2019, N1 đã vay của H1 mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần là 24.000.000 đồng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33 %/năm. H1 thu phí dịch vụ lần đầu 1.000.000 đồng, những lần sau thu phí dịch vụ mỗi lần 600.000 đồng. N1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được mỗi lần 4.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần 3.671.233 đồng.

Vào các ngày: 28/10/2019, 30/11/2019, 16/12/2019, N1 đã vay của H1 mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33 %/năm, tổng phí dịch vụ 1.300.000 đồng (500.000 đồng + 500.000 đồng + 300.000 đồng). Lần vay ngày 28/10/2019 và ngày 30/11/2019, N1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần là 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 1.835.616 đồng. Lần vay ngày 16/12/2019, H1 đã thu 01 ngày được 400.000 đồng, H1 thu lãi được 66.666

đồng, trong đó thu lợi bất chính 61.187 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 9.666.666 đồng.

Vào các ngày: 18/11/2019, 05/12/2019, N1 đã vay của H1 mỗi lần 30.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 36.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng, lãi suất là 243,33 %/năm. Lần vay ngày 18/11/2019, N1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 5.506.849 đồng thu phí dịch vụ 1.500.000 đồng. Lần vay ngày 05/12/2019, H1 đã thu 10 ngày được 12.000.000 đồng, thu lãi được 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.835.616 đồng và thu phí dịch vụ 900.000 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 20.000.000 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà N1 vay 13 lần với mức lãi suất là 243,33% (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền: 40.444.749 đồng. Ngoài ra H1 thu phí dịch vụ số tiền 8.900.000 đồng.

2. Nguyễn Thị T1 đã vay của H1 được 16 lần.

Vào các ngày 16/02/2019, ngày 11/3/2019, cuối tháng 3/2019, giữa tháng 4/2019, đầu tháng 5/2019, giữa tháng 5/2019, T1 đã vay của H1 mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 24.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ mỗi lần 600.000 đồng, T1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được mỗi lần 4.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần là 3.671.233 đồng.

Vào giữa tháng 6/2019, đầu tháng 7/2019, cuối tháng 7/2019, giữa tháng 8/2019, T1 đã vay của H1 mỗi lần 30.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 36.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ mỗi lần 600.000 đồng, T1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được mỗi lần 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần 5.506.849 đồng.

Vào ngày 12/9/2019, T1 đã vay của H1 là 40.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 48.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 1.600.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ 1.200.000 đồng. T1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được 8.000.000 đồng, trong đó thu lãi bất chính 7.342.466 đồng.

Vào các ngày: 03/10/2019, 20/10/2019, 08/11/2019, 25/11/2019, 15/12/2019, T1 đã vay của H1 mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần là 60.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, tương ứng

lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ mỗi lần 1.500.000 đồng, T1 đã thanh toán hết, H1 thu lãi được mỗi lần là 10.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần 9.178.082 đồng. Riêng lần vay ngày 15/12/2019, T1 đã trả 02 ngày được 4.000.000 đồng, H1 thu lãi được 666.667 đồng, trong đó thu lợi bất chính 611.872 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 46.666.667 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà T1 vay 16 lần với mức lãi suất là 243,33% (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền: 88.721.461 đồng. Ngoài ra H1 thu phí dịch vụ số tiền 14.700.000 đồng.

3. Dương Thị Huyền T2 vay của H1 21 lần.

Vào giữa tháng 02/2019, cuối tháng 3/2019, đầu tháng 4/2019, giữa tháng 4/2019, cuối tháng 4/2019, giữa tháng 5/2019, đầu tháng 7/2019, giữa tháng 7/2019, đầu tháng 8/2019, giữa tháng 8/2019, cuối tháng 8/2019 và các ngày 14/10/2019, 05/11/2019, 25/11/2019, T2 vay của H1 mỗi lần 7.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 9.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, tương đương lãi suất là 347,62%/năm, không tính phí dịch vụ. T2 thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần 1.884.932 đồng. Riêng ngày 25/11/2019, T2 đã trả 17 ngày được 5.100.000 đồng, H1 thu lãi được 1.133.333 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.068.128 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 3.033.333 đồng.

Vào ngày 27/2/2019 và ngày 12/3/2019, T2 vay của H1 mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số tiền T2 phải trả cho H1 mỗi lần là 12.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, tương đương lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ mỗi lần 350.000 đồng. T2 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính mỗi lần 1.835.616 đồng.

Vào cuối tháng 5/2019, giữa tháng 6/2019, cuối tháng 6/2019, đầu tháng 9/2019 và ngày 28/9/2019, T2 vay của H1 mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, không tính phí dịch vụ. T2 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 917.808 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà T2 vay 21 lần với mức lãi suất là 243,33% đến 347,62%/năm (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền: 33.832.511 đồng. Ngoài ra H1 thu phí dịch vụ số tiền 700.000 đồng.

4. Phạm Thị Ngọc T3 vay 17 lần.

Vào đầu tháng 3/2019, cuối tháng 3/2019, giữa tháng 4/2019, đầu tháng 5/2019, cuối tháng 5/2019, cuối tháng 7/2019, giữa tháng 8/2019, đầu tháng 9/2019, ngày 02/11/2019, ngày 17/11/2019, ngày 06/12/2019, T3 đã vay của H1 mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 12.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33%/năm, phí dịch vụ mỗi lần 300.000 đồng (lượt vay cuối tháng 7/2019 và ngày 02/11/2019 mỗi lần 500.000 đồng), T3 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.835.616 đồng. Riêng ngày 06/12/2019, T3 đã trả 10 ngày được 4.000.000 đồng, H1 thu lãi được 666.667 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 611.872 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 6.666.667 đồng.

Vào giữa tháng 6/2019, đầu tháng 7/2019, ngày 24/9/2019, ngày 16/10/2019, T3 đã vay của H1 mỗi lần 7.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 9.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất là 347,62%/năm, không tính phí dịch vụ, T3 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 1.884.932 đồng.

Vào ngày 12/11/2019, 28/11/2019, T3 đã vay của H1 mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, tương ứng lãi suất là 243,33%/năm. Lần vay ngày 12/11/2019, H1 thu phí dịch vụ là 250.000 đồng, T3 đã thanh toán hết, H1 thu lãi 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 917.808 đồng; lần vay ngày 28/11/2019, H1 không thu phí dịch vụ, T3 đã trả 18 ngày được 3.600.000 đồng, H1 thu lãi được 600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 550.685 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 2.000.000 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà T3 vay 17 lần, với mức lãi suất là 243,33% đến 347,62%/năm (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền: 27.976.256 đồng. Ngoài ra, H1 thu phí dịch vụ số tiền 4.250.000 đồng.

5. Trần Thị Thanh T4 vay 04 lần:

Vào ngày 16/02/2019, cuối tháng 3/2019, đầu tháng 5/2019, cuối tháng 5/2019, T4 đã vay của H1 mỗi lần 7.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 9.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tương ứng lãi suất 347,62%/năm, phí dịch vụ ngày 16/02/2019 là 250.000 đồng, đầu tháng 5/2019 là 300.000 đồng và cuối tháng 5/2019 là 200.000 đồng. T4 đã thanh toán hết, H1 thu lãi mỗi lần 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.884.932 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà T4 vay 04 lần, với mức lãi suất 347,62%/năm (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền 7.539.728 đồng. Ngoài ra, H1 thu phí dịch vụ số tiền 750.000 đồng.

6. Phan Thị Thu H3 vay 02 lần.

Vào khoảng tháng 2/2019 và ngày 10/12/2019, H3 vay của H1 mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lần 6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm, phí dịch vụ tháng 2/2019 là 200.000 đồng, H3 đã thanh toán hết, H1 thu lãi 1.000.000 đồng và thu lợi bất chính là 917.808 đồng. Riêng ngày 10/12/2019, H3 trả 05 ngày được 1.000.000 đồng, H1 thu lãi được 166.667 đồng, trong đó thu lợi bất chính 152.968 đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 4.166.667 đồng.

Như vậy, H1 đã cho bà H3 vay 02 lần, với mức lãi suất là 243,33% (vượt mức lãi suất 100%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền: 1.070.776 đồng. Ngoài ra, H1 thu phí dịch vụ số tiền 200.000 đồng.

7. Lê Lý Sô N2 vay 01 lần.

Vào khoảng tháng 3/2019, bà N2 vay của H1 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, không tính phí dịch vụ, bà N2 đã thanh toán hết, H1 thu lãi 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 917.808 đồng.

Ngoài ra vào khoảng tháng 4/2019, N2 có vay của H1 5.000.000 đồng, thỏa thuận tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, lãi suất là 243,33%/năm, không tính phí dịch vụ. Tuy nhiên lần vay này, bà N2 đã trả tiền gốc, H1 và bà N2 cũng thống nhất không trả lãi, không thu phí dịch vụ nên không xem xét.

Tổng cộng, Bùi Văn H1 đã cho 07 người vay với 74 lượt vay, mức lãi suất từ 243,33%/năm đến 347,62%/năm (vượt mức lãi suất 100%/năm). Thu lợi bất chính tổng số tiền 200.503.289 (*hai trăm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi chín*) đồng. Ngoài ra, H1 thu lợi từ thu phí dịch vụ số tiền 29.500.000 (*hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn*) đồng.

***Vật chứng thu giữ:**

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, Imei: 353290070333604, gắn thẻ sim: 0333.450.794.

- 01 điện thoại Nokia, màu xanh, Model: TA-1010, Imei: 355816099138349, gắn thẻ sim: 0765.313.555.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 08/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Bùi Văn H1 về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 từ 06 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, Imei: 353290070333604, gắn thẻ sim: 0333.450.794 và 01 điện thoại Nokia, màu xanh, Model: TA-1010, Imei: 355816099138349, gắn thẻ sim: 0765.313.555.

Về các biện pháp tư pháp:

Tổng số vốn Bùi Văn H bỏ ra cho vay là 1.114.000.000 đồng đề nghị phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó, bị cáo đã thu hồi được số tiền 1.021.800.333 đồng nên đề nghị tịch thu sung công quỹ số tiền này. Số tiền còn lại chưa thu hồi của những người vay là 92.92.199.667 đồng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Về số tiền lãi suất 20%/năm tiền lãi trong mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự tổng cộng là 16.796.712 đồng, đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với lãi suất vượt mức 20%/ năm, tổng cộng là 200.503.289 đồng là tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên buộc bị cáo H1 phải trả cho những người liên quan.

Đối với tiền thu lợi bất chính từ phí dịch vụ tổng cộng là 29.500.000 đồng nên buộc bị cáo H1 phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Bùi Văn H1 thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phạm Thị Ngọc T3 trình bày: Bà xác nhận lời khai của bị cáo và các lời khai của bà có trong hồ sơ vụ án là đúng, bà có vay tiền của H1 17 lần như H1 đã khai. Tại phiên tòa hôm nay, bà T3 không có ý kiến gì và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bùi Văn H1 nói lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến ngày 15/12/2019, trên địa bàn quận Hải Châu và thành phố Đà Nẵng, Bùi Văn H1 đã thực hiện hoạt động cho 07 người vay với 74 lượt vay, hình thức cho vay thu lãi và gốc theo ngày trong thời hạn 30 ngày, mức lãi suất từ 243,33%/năm đến 347,62%/năm, mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20%/năm, do đó lãi suất cho vay của H1 gấp hơn 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (vượt mức lãi suất 100%/năm), với tổng số tiền cho vay là 1.114.000.000 đồng. H1 thu lợi bất chính tổng số tiền 200.503.289 (*hai trăm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, hai trăm tám mươi chín*) đồng. Ngoài ra, H1 thu lợi từ thu phí dịch vụ số tiền 29.500.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn H1 đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Bùi Văn H1 là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Bùi Văn H1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng nhất là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao, việc làm của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế, nhất là trong tình hình hiện nay hành vi cho vay nặng lãi diễn ra

nhiều, có diễn biến phức tạp. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với mức độ, tính chất hành vi bị cáo gây ra, cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] - Đối với những người vay có tên “Long ts”, “bé Hv”, “phương tdt”, “thuận hvt”, “sinh tt”, “dung nlb”, “hải ts”, “châu com”, “Vi”, “hiền nhậ”, “thu hà”, “uyên”, “Đào”, “hòa nlb”, “hiền ts”, “hạnh đth”, “hiếu ac”, “Ân com”, “Anh chim”, “Bà mười”, “Thủy bò né”, “Huệ mai lão bạng”, “Phượng 3/2”, “Hiền cá”, “Thanh gà”, “Hương đề”, “Tuấn”, “Tâm Phan thần tài”, “Thu bác sĩ”, “Quý già”, “Hạnh vé”, “Thanh”, “Huệ”, “Sương hd”, “D” (tổng cộng 35 người) không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với khoản vay chị Lê Lý Sô N2 vay của H1 vào khoảng cuối tháng 4/2019, số tiền 5.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên khoản vay này chị N2 trả tiền gốc, H1 cũng đồng ý không thu tiền lãi nên lần vay này HĐXX không xem xét là có căn cứ.

Đối với Trương Ngọc T đang trực tiếp nhận tiền trả khoản vay lãi nặng từ chị Nguyễn Thị Mỹ H4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã khởi tố vụ án và điều tra trong vụ án khác nên HĐXX không xem xét giải quyết

Đối với đối tượng tên H5 (tên gọi khác là L, không rõ nhân thân lai lịch) có hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, hiện chưa xác định họ tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, tổng số tiền là 200.503.289 đồng là khoản tiền Bùi Văn H1 thu lợi bất chính từ người vay, không xác định được người vay đã sử dụng vào mục đích bất chính nên được trả cho người vay tiền. Do đó HĐXX buộc Bùi Văn H1 phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể: trả cho bà Nguyễn Thị Kim N1 số tiền 40.444.749 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 88.721.461 đồng; trả cho bà Dương Thị Huyền T2 số tiền 33.832.511 đồng; trả cho

bà Phạm Thị Ngọc T3 số tiền 27.976.256 đồng; trả cho bà Trần Thị Thanh T4 số tiền 7.539.728 đồng; trả cho bà Phan Thị Thu H3 số tiền 1.070.776 đồng và trả cho bà Lê Lý Sô N2 số tiền 917.808 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo H1 sử dụng cho vay là 1.114.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo đã thu hồi lại số tiền là 1.021.800.333 đồng, số vốn chưa thu hồi từ những người vay là 92.199.667 đồng. Do đó cần buộc bị cáo H1 phải nộp lại số tiền 1.021.800.333 đồng và buộc những người vay chưa trả nợ gốc phải nộp lại tổng số tiền 92.199.667 đồng để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể số tiền của từng người vay phải nộp lại như sau: bà Nguyễn Thị Kim N1 nộp số tiền 29.666.666 đồng, bà Nguyễn Thị T1 nộp số tiền 46.666.667 đồng, bà Dương Thị Huyền T2 nộp số tiền 3.033.333 đồng, bà Phạm Thị Ngọc T3 nộp số tiền 8.666.667 đồng và bà Phan Thị Thu H3 nộp số tiền 4.166.667 đồng.

Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 16.796.712 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên HĐXX buộc Bùi Văn H1 phải nộp lại số tiền lãi trong mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự để sung vào công quỹ Nhà nước là 16.796.712 đồng.

Đối với số tiền phí dịch vụ H1 thu của những người vay là 29.500.000 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tổng cộng số tiền buộc Bùi Văn H1 nộp để sung công quỹ Nhà nước là: 1.056.097.045 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX xử lý như sau:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, Imei: 353290070333604, gắn thẻ sim: 0333.450.794 và 01 điện thoại Nokia, màu xanh, Model: TA-1010, Imei: 355816099138349, gắn thẻ sim: 0765.313.555 là các công cụ bị cáo H1 sử dụng vào việc phạm tội nên HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Những vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2020.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

I. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

II. Xử phạt: Bùi Văn H1 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/01/2020.

III. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1. Buộc Bùi Văn H1 phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng cộng số tiền là 200.503.289 đồng, cụ thể trả lại cho từng người như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N1 số tiền 40.444.749 đồng.

Bà Nguyễn Thị T1 số tiền 88.721.461 đồng.

Bà Dương Thị Huyền T2 số tiền 33.832.511 đồng.

Bà Phạm Thị Ngọc T3 số tiền 27.976.256 đồng

Bà Trần Thị Thanh T4 số tiền 7.539.728 đồng

Bà Phan Thị Thu H3 số tiền 1.070.776 đồng

Bà Lê Lý Sô N2 số tiền 917.808 đồng.

2. Buộc Bùi Văn H1 phải nộp 1.021.800.333 đồng là phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

3. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ Nhà nước, số tiền từng người phải nộp cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N1 nộp số tiền 29.666.666 đồng.

Bà Nguyễn Thị T1 nộp số tiền 46.666.667 đồng.

Bà Dương Thị Huyền T2 nộp số tiền 3.033.333 đồng.

Bà Phạm Thị Ngọc T3 nộp số tiền 8.666.667 đồng.

Bà Phan Thị Thu H3 nộp số tiền 4.166.667 đồng.

4. Buộc Bùi Văn H1 phải nộp lại số tiền 16.796.712 đồng (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Buộc Bùi Văn H1 phải nộp lại số tiền 29.500.000 đồng số tiền phí dịch vụ để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng cộng số tiền buộc Bùi Văn H1 nộp để sung công quỹ Nhà nước là 1.056.097.045 đồng.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, Imei: 353290070333604, gắn thẻ sim: 0333.450.794 và 01 điện thoại Nokia, màu xanh, Model: TA-1010, Imei: 355816099138349, gắn thẻ sim: 0765.313.555.

Những vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2020.

V. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

VI. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/7/2020. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người CQL, NVLQ ĐVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo